

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ II NĂM HỌC: 2017 -2018

MÔN: ĐỊA LÍ 6

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

I. Chọn ý đúng nhất trong các câu sau:

Câu 1: Thành phần không khí có ảnh hưởng lớn đến sự sống của các sinh vật và sự cháy là:

- A. Khí Nitơ B. Khí Ôxy C. Khí Cacbonic D. Hơi nước

Câu 2: Lượng hơi nước trong không khí tuy nhỏ, nhưng là nguồn gốc sinh ra các hiện tượng khí tượng như mây, mưa, gió, bão,... Hiện tượng này xảy ra ở:

- A. Tầng đối lưu. B. Các tầng cao của khí quyển.
C. Tầng bình lưu. D. Cả 3 đều đúng.

Câu 3: Nguồn cung cấp hơi nước trong không khí chủ yếu từ:

- A. Sông ngòi. B. Hồ, ao. C. Băng, tuyết tan. D. Biển và đại dương

Câu 4: Nước ta nằm trong khu vực Đông Nam Á, thuộc đới khí hậu nào?

- A. Nhiệt đới nửa cầu Nam. B. Nhiệt đới nửa cầu Bắc.
C. Ôn đới nửa cầu Nam. D. Ôn đới nửa cầu Bắc.

Câu 5: Nguồn cung cấp nước cho sông là từ:

- A. Nước mưa B. Nước ngầm C. Nước băng tuyết tan D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 6: Vùng đất đai cung cấp nước cho sông, gọi là:

- A. Châu thổ sông B. Lưu vực sông C. Hệ thống sông D. Thủy chế sông

Câu 7: Hệ thống sông gồm có:

- A. Sông chính và sông phụ B. Chi lưu và sông chính
C. Phụ lưu và sông chính D. Sông chính, phụ lưu và chi lưu

Câu 8: Các sông đổ nước vào sông chính, đó là:

- A. Chi lưu B. Phụ lưu C. Lưu vực sông D. Cả A, B, C đều sai

Câu 9: Sông làm nhiệm vụ thoát nước cho sông chính là:

- A. Chi lưu B. Lưu vực sông C. Phụ lưu D. Thủy chế sông

Câu 10: Phân biệt hồ nước mặn, hồ nước ngọt thường căn cứ vào:

- A. Nơi hình thành B. Tính chất của nước
C. Độ mặn (độ muối) D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 11: Độ muối trung bình của nước biển và đại dương là:

- A. 25 0/00 B. 300/00 C. 350/00 D. 400/00

Câu 12: Tác dụng tích cực của thủy triều đối với đời sống con người là:

- A. Giao thông, đánh cá. B. Thủy lợi. C. Sản xuất muối. D. Tất cả đều đúng.

Câu 13: Vào ngày trăng tròn (giữa tháng) và ngày không trăng (đầu tháng) thủy triều lên cao nhất, đó là ngày:

- A. Triều cường B. Triều kém C. Thủy triều không đều D. Không có thủy triều

Câu 14: Xác định dòng biển nóng, lạnh thì căn cứ vào:

- A. Vị trí. B. Nhiệt độ. C. Hướng chảy. D. Độ cao

Câu 15: Trong các thành phần của đất, thành phần nào chiếm tỉ lệ lớn?

- A. Thành phần khoáng B. Thành phần hữu cơ
C. Nước và không khí D. Cả A, B, C đều sai

II. Ghép ý: II. Điền từ: Tìm các cụm từ thích hợp điền vào các chỗ (.....) để hoàn chỉnh đoạn viết trong các câu dưới đây:

Câu 1: Khí hậu của một nơi là..... của tình hình.....ở nơi đó, trong..... từ năm này qua năm khác và đã trở thành.....

Câu 2: Khi không khí đã....., mà vẫn được cung cấp thêm..... hoặc bị lạnh đi do bốc lên cao, hay tiếp xúc với một khối khí lạnh, thì lượng hơi nước thừa trong không khí sẽ..... thành hạt nước. Hiện tượng đó gọi là..... của hơi nước.

Câu 3: Hai thành phần chính của đất là..... và..... Thành phần khoáng chiếm..... trọng lượng của đất. Thành phần hữu cơ chiếm một....., tồn tại chủ yếu trên tầng trên cùng của lớp đất.

Câu 4: Một đặc điểm quan trọng của thổ nhưỡng là..... Độ phì chính là đặc tính..... của thổ nhưỡng. Nếu độ phì cao thực vật sẽ..... nếu độ phì thấp thực vật sẽ.....

II. Ghép cột:

Câu 1: Hãy ghép cột các khối khí và vị trí hình thành sao cho phù hợp: Các khối khí Vị trí hình thành

Các khối khí	Vị trí hình thành	
1. Nóng 2. Lạnh 3. Đại dương 4. Lục địa	A. Trên các vùng đất liền B. Trên biển, đại dương C. Ở vĩ độ thấp D. Ở vĩ độ trung bình E. Ở vĩ độ cao	

Câu 2: Hãy ghép cột A và cột B sao cho đúng

Cột A	Cột B	
1. Sông chính 2. Phụ lưu 3. Chi lưu 4. Lưu vực sông	B. Dòng đổ nước vào sông chính E. Nhịp điệu thay đổi nước sông C. Diện tích đất đai cung cấp nước cho sông E. Nhịp điệu thay đổi nước sông	

Câu 3: Hãy ghép các chữ cái đứng trước các ý ở cột A (các hình thức vận động của nước biển) với các chữ cái đứng trước các ý ở cột B (nguyên nhân của các hiện tượng) cho phù hợp: Cột A Cột B

Cột A	Cột B	
1. Sóng 2. Sóng thần 3. Thủy triều 4. Dòng biển	A. Do động đất ngầm dưới đáy biển B. Do gió C. Do núi lửa phun D. Do sức hút của Mặt Trăng, Mặt Trời	

	E. Do sức hút của Mặt Trăng	
--	-----------------------------	--

Câu 4: Ghép ý ở bên trái (cột A) với ý ở bên phải (cột B) sao cho đúng:

Cột A	Cột B	
1. Đá mẹ 3. Sinh vật 2. Khí hậu	A. Là nguồn gốc sinh ra thành phần khoáng và thành phần hữu hậu B. Là nguồn gốc sinh ra thành phần khoáng trong đất C. Là môi trường thuận lợi hoặc khó khăn cho quá trình phân giải các chất khoáng và chất hữu cơ trong đất D. Là nguồn gốc sinh ra chất hữu cơ cho đất	

PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1: Khoáng sản là gì? Thế nào là mỏ khoáng sản, mỏ nội sinh, mỏ ngoại sinh?

- Khoáng sản là những tích tụ tự nhiên các khoáng vật và đá có ích được con người khai thác, sử dụng.
- Những nơi tập trung khoáng sản gọi là mỏ khoáng sản.
- Mỏ nội sinh: Là những mỏ được hình thành do nội lực (quá trình mắcma): Đồng, chì, kẽm
- Mỏ ngoại sinh: Là những mỏ được hình thành do các quá trình ngoại lực (quá trình phong hoá, tích tụ...): Than, đá vôi...

Câu 2: Kể tên và nêu công dụng của một số loại khoáng sản?

Loại khoáng sản	Tên các loại khoáng sản	Công dụng
Năng lượng (nhiên liệu)	Than đá, than bùn, dầu mỏ, khí đốt...	Nhiên liệu cho công nghiệp năng lượng, nguyên liệu cho công nghiệp hóa chất...

Kim loại	đen	Sắt, mangan, titan, crôm.	Nguyên liệu cho công nghiệp luyện kim đen và luyện kim màu, từ đó sản xuất ra các loại gang, thép, đồng, chì....
	màu	Đồng, chì, kẽm	
Phi kim loại		Muối mỏ, apatit, thạch anh, kim cương, đá vôi, cát, sỏi...	Nguyên liệu để sản xuất ra phân bón, đồ gốm, sứ, làm vật liệu xây dựng...

Câu 3: Cho biết tỉ lệ các thành phần của không khí? Hơi nước có vai trò gì?

- Thành phần của không khí bao gồm:

+ Khí Nitơ: 78%

+ Khí Ôxi: 21%

+ Hơi nước và các khí khác: 1%

- Vai trò của hơi nước: Lượng hơi nước tuy nhỏ nhưng lại là nguồn gốc sinh ra các hiện tượng khí tượng như mây, mưa, sấm, chớp...

Câu 4: Lớp vỏ khí chia thành mấy tầng? Nêu vị trí, đặc điểm của từng tầng?

Các tầng	Đối lưu	Bình lưu	Các tầng cao
Vị trí	Sát mặt đất	Nằm trên tầng đối lưu	Nằm trên tầng bình lưu
Độ cao	0 → 16km	Từ 16km → 80km	Trên 80km
Đặc điểm	- Tập trung 90% không khí - Không khí luôn chuyển động theo chiều thẳng đứng - Là nơi sinh ra các hiện tượng khí tượng: Mây, mưa, sấm, chớp,... - Nhiệt độ giảm dần khi lên cao: cứ lên cao 100m nhiệt độ giảm 0,6⁰C	- Có lớp ôdôn => ngăn cản những tia bức xạ có hại cho sinh vật và con người.	- Không khí cực loãng.

Câu 5: Dựa vào đâu để phân ra các khối khí: Nóng, lạnh, đại dương, lục địa? Nêu vị trí hình thành và tính chất từng loại khối khí ?

a. Căn cứ để phân loại khối khí:

- Căn cứ vào nhiệt độ, chia ra: Khối khí nóng, khối khí lạnh.
- Căn cứ vào bề mặt tiếp xúc bên dưới là đại dương hay đất liền, chia ra: Khối khí đại dương, khối khí lục địa.

b. Đặc điểm từng loại khối khí:

- Khối khí nóng: Hình thành trên vùng vĩ độ thấp, có nhiệt độ tương đối cao.
- Khối khí lạnh: Hình thành trên vùng vĩ độ cao, có nhiệt độ tương đối thấp.
- Khối khí đại dương: Hình thành trên các biển và đại dương, có độ ẩm lớn.
- Khối khí lục địa: Hình thành trên các vùng đất liền, có tính chất tương đối khô.

Câu 6: Phân biệt thời tiết và khí hậu?

- Thời tiết: Là sự biểu hiện các hiện tượng khí tượng ở một địa phương trong một thời gian ngắn, luôn thay đổi.
- Khí hậu: Là sự lặp đi, lặp lại của tình hình thời tiết ở một địa phương trong thời gian dài (trong nhiều năm), trở thành quy luật.

Câu 7: Nhiệt độ không khí là gì? Nêu các nhân tố ảnh hưởng đến sự thay đổi của nhiệt độ không khí?

a. Nhiệt độ không khí: Là độ nóng, lạnh của không khí

b. Nhiệt độ không khí thay đổi tùy theo các yếu tố:

- Theo vị trí gần hay xa biển: Những miền gần biển: Mùa hạ mát hơn, mùa đông ấm hơn những miền nằm sâu trong đất liền.
- Theo độ cao: Trong tầng đối lưu, càng lên cao nhiệt độ không khí càng giảm.
- Theo vĩ độ: Không khí ở các vùng vĩ độ thấp nóng hơn không khí ở các vùng vĩ độ cao.

Câu 8: Khí áp là gì? Trình bày sự phân bố các đai khí áp cao và thấp trên Trái đất?

a. Khí áp: Là sức ép của không khí lên bề mặt Trái Đất, đơn vị là mm thủy ngân.

b. Sự phân bố các đai khí áp:

- Khí áp được phân bố trên Trái Đất thành các đai khí áp thấp và khí áp cao từ xích đạo về cực.

+ Các đai khí áp thấp nằm ở khoảng vĩ độ 0^0 và khoảng vĩ độ 60^0 Bắc và Nam.

+ Các đai khí áp cao nằm ở khoảng vĩ độ 30^0 Bắc và Nam và 90^0 Bắc và Nam (cực Bắc và cực Nam).

Câu 9: Gió là gì? Nêu tên, phạm vi hoạt động và hướng của các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất?

- Gió là sự chuyển động của không khí từ các đai khí áp cao về các đai khí áp thấp.

- Các loại gió thổi thường xuyên:

Loại gió	Phạm vi hoạt động	Hướng gió
Tín phong	Thổi từ khoảng các vĩ độ 30^0 Bắc và Nam (các đai áp cao chí tuyến) về Xích đạo (đai áp thấp xích đạo).	- Ở nửa cầu Bắc: hướng Đông Bắc - Ở nửa cầu Nam: hướng Đông Nam
Tây ôn đới	Thổi từ khoảng các vĩ độ 30^0 Bắc và Nam (các đai áp cao chí tuyến) lên khoảng các vĩ độ 60^0 Bắc và Nam (các đai áp thấp ôn đới)	- Ở nửa cầu Bắc: hướng Tây Nam - Ở nửa cầu Nam: hướng Tây Bắc
Đông cực	Thổi từ khoảng vĩ độ 90^0 Bắc và Nam (cực Bắc và cực Nam) về khoảng các vĩ độ 60^0 Bắc và Nam (các đai áp thấp ôn đới)	- Ở nửa cầu Bắc: hướng Đông Bắc - Ở nửa cầu Nam: hướng Đông Nam

Câu 10: Vì sao không khí có độ ẩm? Nhiệt độ có ảnh hưởng như thế nào đến khả năng chứa hơi nước và độ ẩm của không khí?

- Không khí bao giờ cũng chứa một lượng hơi nước nhất định, lượng hơi nước đó làm không khí có độ ẩm.

- Nhiệt độ có ảnh hưởng đến khả năng chứa hơi nước của không khí: Nhiệt độ không khí càng cao càng chứa được nhiều hơi nước $\Rightarrow$ độ ẩm càng cao.

- Khi không khí đã chứa được lượng hơi nước tối đa $\Rightarrow$ không khí đã bão hòa hơi nước.

Câu 11: Trình bày được quá trình tạo thành mây, mưa? Trên Trái Đất lượng mưa phân bố như thế nào?

a. Quá trình tạo thành mây, mưa:

- Không khí bốc lên cao bị lạnh dần, hơi nước sẽ ngưng tụ thành các hạt nước nhỏ tạo thành mây.
- Gặp điều kiện thuận lợi hơi nước tiếp tục ngưng tụ làm các hạt nước to dần, rồi rơi xuống đất thành mưa.

b. Sự phân bố lượng mưa trên Trái Đất:

- Trên Trái Đất, lượng mưa phân bố không đều từ xích đạo về 2 cực.
- + Nơi mưa nhiều nhất ở vùng xích đạo (vĩ độ thấp).
- + Nơi mưa ít nhất ở 2 vùng: Vùng cực Bắc và vùng cực Nam (vĩ độ cao).

Câu 12: Trên Trái Đất có mấy đới khí hậu chính theo vĩ độ? Trình bày giới hạn và đặc điểm của từng đới?

- Trên Trái Đất có 5 đới khí hậu chính:
- + 1 đới nhiệt đới (đới nóng)
- + 2 đới ôn hoà (ôn đới)
- + 2 đới hàn đới (đới lạnh)

Đới KH Đặc điểm	Đới nóng (Nhiệt đới)	Hai đới ôn hòa (Ôn đới)	Hai đới lạnh (Hàn đới)
Giới hạn	- Từ Chí tuyến Bắc đến Chí tuyến Nam	- Từ Chí tuyến Bắc đến vòng cực Bắc - Từ Chí tuyến Nam đến vòng cực Nam	- Từ vòng cực Bắc đến cực Bắc - Từ vòng cực Nam đến cực Nam

Đặc điểm khí hậu	- Quanh năm có góc chiếu của ánh sáng mặt trời lúc giữa trưa tương đối lớn, thời gian chiếu sáng trong năm chênh nhau ít. - Lượng nhiệt hấp thụ tương đối nhiều. - Nóng quanh năm - Gió Tín Phong - Lượng mưa TB năm: 1000mm -> 2000mm	- Góc chiếu ánh sáng mặt trời và thời gian chiếu sáng trong năm chênh nhau nhiều. - Lượng nhiệt nhận được trung bình, các mùa thể hiện rất rõ trong năm. - Gió Tây ôn đới - Lượng mưa TB năm 500 -> 1000mm	- Góc chiếu ánh sáng mặt trời rất nhỏ, thời gian chiếu sáng trong năm dao động rất lớn - Khí hậu giá lạnh, có băng tuyết hầu như quanh năm - Gió Đông cực - Lượng mưa TB năm dưới 500 mm
------------------	---	---	--

Câu 13: Sông là gì? Thế nào là hệ thống sông? Lưu vực sông?

- Sông là dòng nước chảy thường xuyên, tương đối ổn định trên bề mặt lục địa.
- Hệ thống sông bao gồm: Các phụ lưu (đầu nguồn) → dòng sông chính → chi lưu (cuối nguồn)
- Lưu vực sông: Là vùng đất đai cung cấp nước thường xuyên cho 1 con sông.

Câu 14: Lưu lượng sông là gì? Thủy chế sông là gì? Nêu mối quan hệ giữa nguồn cung cấp nước và thủy chế của sông?

- Lưu lượng là: Lượng nước chảy qua mặt cắt ngang lòng sông ở một địa điểm nào đó trong 1 giây đồng hồ. (m^3/s)
- Thủy chế (chế độ chảy): Là nhịp điệu thay đổi lưu lượng của một con sông trong một năm.
- Mối quan hệ giữa nguồn cung cấp nước và thủy chế:
 - + Nguồn cung cấp nước cho sông: Nước mưa, nước ngầm, nước băng tuyết tan.
 - + Nếu sông chỉ phụ thuộc vào 1 nguồn cung cấp nước thì thủy chế đơn giản.
 - + Nếu sông phụ thuộc vào nhiều nguồn cung cấp nước thì thủy chế phức tạp hơn.

Câu 15: Hồ là gì? Có những loại hồ nào?**a. Khái niệm**

- Hồ là những khoảng nước đọng tương đối rộng và sâu trong đất liền.

b. Phân loại

- Căn cứ vào tính chất của nước: Có 2 loại hồ: Hồ nước mặn và hồ nước ngọt.
- Căn cứ vào nguồn gốc hình thành: hồ vết tích của khúc sông cũ, hồ băng hà, hồ miệng núi lửa, hồ nhân tạo.

Câu 16: Cho biết độ muối của nước biển và đại dương? Vì sao độ muối của các biển và đại dương lại khác nhau?

- Độ muối trung bình của biển và đại dương là 35 ‰.

- Độ muối trong các biển và đại dương không giống nhau, nó tùy thuộc vào nguồn nước sông đổ vào nhiều hay ít, độ bốc hơi lớn hay nhỏ.

VD: độ muối của biển nước ta là 33 ‰, biển Ban tích là 10-15‰

Câu 17: Nước biển và đại dương có những hình thức vận động nào? Nêu khái niệm và nguyên nhân?

- Nước biển và đại dương có 3 hình thức vận động: sóng, thủy triều, dòng biển

Vận động	Sóng	Thủy triều	Dòng biển
Khái niệm	Là sự dao động tại chỗ của nước biển và đại dương.	Là hiện tượng nước biển có lúc dâng lên, lấn sâu vào đất liền, có lúc rút xuống, lùi tít ra xa.	Là hiện tượng chuyển động của lớp nước biển trên mặt tạo thành các dòng chảy trên biển và đại dương
Nguyên nhân hình thành	- Chủ yếu do gió - Động đất ngầm dưới đáy biển sinh ra sóng thần	Do sức hút của Mặt Trăng và một phần của Mặt Trời	Chủ yếu là các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất: Tín phong, Tây ôn đới.

Câu 18: Trình bày hướng chuyển động của các dòng biển trong đại dương thế giới? Nêu ảnh hưởng của các dòng biển đến nhiệt độ, lượng mưa của các vùng bờ tiếp cận với chúng?

a. Hướng chuyển động của các dòng biển nóng, lạnh trong đại dương:

- Các dòng biển nóng thường chảy từ các vùng vĩ độ thấp lên các vùng vĩ độ cao.

- Các dòng biển lạnh thường chảy từ các vùng vĩ độ cao về các vùng vĩ độ thấp.

b. Ảnh hưởng của các dòng biển tới khí hậu vùng bờ:

- Các vùng ven biển, nơi có dòng biển nóng chảy qua có nhiệt độ cao hơn và mưa nhiều hơn những nơi có dòng biển lạnh chảy qua.

Câu 19: Lớp đất là gì? Gồm những thành phần nào? Chất mùn có vai trò như thế nào trong lớp thổ nhưỡng?

- Lớp đất (hay thổ nhưỡng) là lớp vật chất mỏng, vụn bở, bao phủ trên bề mặt các lục địa.

- Thành phần của đất:

+ 2 thành phần chính: thành phần khoáng và thành phần hữu cơ:

Thành phần	Khoáng	Hữu cơ
Đặc điểm	- Chiếm phần lớn trọng lượng của đất. - Gồm những hạt khoáng có màu sắc loang lổ và kích thước khác nhau	- Chiếm tỉ lệ nhỏ - Tồn tại trong tầng trên cùng của lớp đất. - Tạo thành chất mùn có màu xám thẫm hoặc đen.

+ Ngoài ra trong đất còn có nước và không khí: Tồn tại trong các khe hổng của các hạt khoáng.

- Vai trò của chất mùn: Là nguồn thức ăn dồi dào, cung cấp các chất cần thiết cho các thực vật tồn tại trên mặt đất.

Câu 20: Trình bày các nhân tố hình thành đất?

- Đá mẹ: Nguồn gốc sinh ra thành phần khoáng trong đất. Đá mẹ có ảnh hưởng đến màu sắc và tính chất của đất.

- Sinh vật: Nguồn gốc sinh ra thành phần hữu cơ.

- Khí hậu (đặc biệt là nhiệt độ, lượng mưa): Tạo điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn cho quá trình phân giải chất khoáng và hữu cơ trong đất.

B- BÀI TẬP

Bài 1: Tính lượng mưa trong năm

Cho bảng số liệu về lượng mưa (mm) ở Thành phố Hồ Chí Minh:

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	18	14	16	35	110	160	150	145	158	140	55	25

- Tính tổng lượng mưa trong năm

- Tính tổng lượng mưa trong các tháng mùa mưa (t5- t10)

- Tính tổng lượng mưa trong các tháng mùa khô (t 11- t 4)

Giải

- Tổng lượng mưa trong năm =

$$= 18+14+16+35+110+160+ 150+ 145+ 158+ 140+55+ 25= 1026 \text{ mm}$$

- Tổng lượng mưa các tháng mùa mưa (T5- T10) = $110+160+ 150+ 145+ 158+ 140= 863 \text{ mm}$

- Tổng lượng mưa các tháng mùa khô (T11- T4) = $55+ 25+ 18+14+16+35= 163 \text{ mm}$

Bài 2: Tính nhiệt độ TB ngày

Ở Điện Biên người ta đo nhiệt độ lúc 5giờ được 20°C , lúc 13giờ được 24°C , lúc 21giờ được 22°C .
Tính nhiệt độ trung bình của ngày hôm đó?

Giải:

$$\text{Nhiệt độ TB ngày} = \frac{\text{Tổng nhiệt độ các lần đo}}{\text{Số lần đo}} = \frac{20^0 + 24^0 + 22^0}{3} = 22^{\circ}\text{C}$$

Bài 3: Tính nhiệt độ TB năm

Cho bảng số liệu nhiệt độ các tháng trong năm của Hà Nội

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	18	17	20	24	27	29	29	28	27	25	21	18

Hãy tính nhiệt độ TB năm của Hà Nội ?

Giải:

$$\text{Nhiệt độ TB năm} = \frac{\text{Tổng nhiệt độ 12 tháng}}{12} = \frac{18+17+20+24+27+29+29+28+27+25+21+18}{12} = 23,6^{\circ}\text{C}$$

Bài 4: Dựa vào bảng lượng hơi nước tối đa trong không khí, hãy nhận xét mối quan hệ giữa nhiệt độ và khả năng chứa hơi nước của không khí?

Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$)	Lượng hơi nước (g/m^3)
0	2
10	5
20	17
30	30

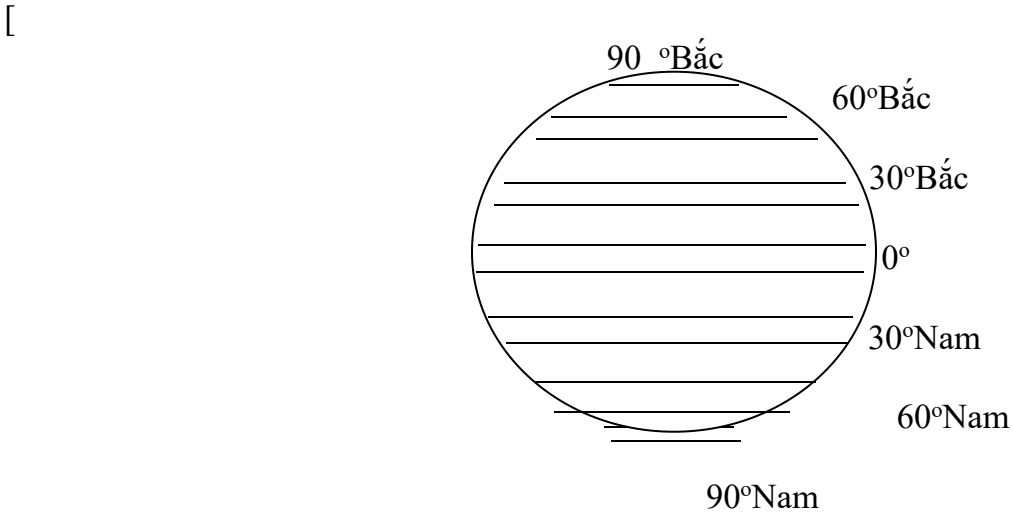
Giải

Nhiệt độ tăng thì lượng hơi nước chứa trong không khí tăng

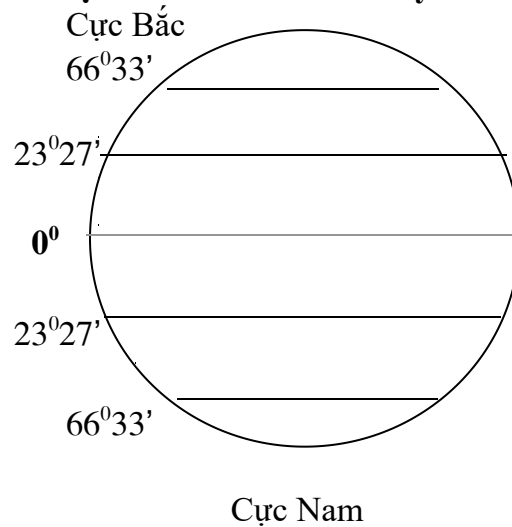
- Nhiệt độ có ảnh hưởng đến khả năng chứa hơi nước của không khí

- Nhiệt độ càng cao, lượng hơi nước chứa được càng nhiều.

Bài 5: Điền tên các đai khí áp vào hình vẽ sau



Bài 6: Điền tên các đới khí hậu vào hình vẽ dưới đây



Xem tiếp tài liệu tại: <https://vndoc.com/tai-lieu-hoc-tap-lop-6>